

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội:**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:**

“Điều 14. Quyền và trách nhiệm của ~~công đoàn~~, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức **chính trị - xã hội trực thuộc** thành viên của Mặt trận

2.1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và theo quy định của pháp luật có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức **chính trị - xã hội trực thuộc** thành viên của Mặt trận có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, chủ động tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội phù hợp với bản thân và gia đình;

b) Tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên; chia sẻ thông tin, dữ liệu về người lao động, thành viên, hội viên của mình với cơ quan bảo hiểm xã hội;

c) Thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và theo quy định của pháp luật có liên quan, **ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này**, công đoàn **còn** có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội;

b) Yêu cầu người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động;

c) ~~Tuyên truyền, phổ biến,~~ Tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội cho người lao động;

d) ~~Thực hiện hoạt động giám sát và~~ Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội;

đ) Tham gia thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội;

e) Khởi kiện người có hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động;

g) ~~Kiến nghị, tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.~~”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“16. Cơ quan bảo hiểm xã hội

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội là ~~đơn vị~~ **cơ quan nhà nước** có chức năng thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế; ~~thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.~~

~~2. Chính phủ~~ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan bảo hiểm xã hội.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 như sau:

“5 . Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, việc thực hiện hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; việc đóng, chi trả bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. ~~Thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.~~

4. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 12 Điều 18 như sau:

“1. Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; xây dựng chiến lược phát triển **ngành cơ quan** bảo hiểm xã hội, chiến lược đầu tư dài hạn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng phương án đầu tư hằng năm trình Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội quyết định; tổ chức đánh giá và công bố mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Ban hành mẫu sổ bảo hiểm xã hội, mẫu hồ sơ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp ~~sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.~~

12. Thực hiện chế độ báo cáo như sau:

b) Định kỳ ***hằng tháng*** ~~06 tháng~~, báo cáo ~~Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp; báo cáo Bộ Y tế về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm y tế;”

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội gồm đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở trung ương, Bộ Tài chính, ~~Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ**, Bộ Y tế, ~~Bảo hiểm xã hội Việt Nam~~, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, ***cơ quan bảo hiểm xã hội*** và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Thông qua chiến lược phát triển ~~ngành~~ ***cơ quan*** bảo hiểm xã hội, kế hoạch dài hạn, 05 năm về thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chiến lược đầu tư dài hạn trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông qua kế hoạch hằng năm về thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; giám sát, kiểm tra việc thực hiện của cơ quan bảo hiểm xã hội về các chiến lược, kế hoạch, đề án sau khi được phê duyệt.”

7. Sửa đổi khoản 7 và khoản 8 Điều 33 như sau:

“7. Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng thì người lao động hoặc thân nhân của người lao động được đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng hằng tháng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi người lao động nghỉ việc hoặc chết vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng tiếp không được tính là thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Nội vụ~~ ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ ban hành hoặc thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường hợp người lao động chấm dứt đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc mà thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu trên 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì có quyền đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện.

8. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** quy định chi tiết khoản 7 Điều này.”

8. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 43 như sau:

“b) Làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội~~ **Bộ trưởng Bộ Nội vụ** ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên.”

9. Sửa đổi khoản 6 Điều 45 như sau:

“6. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** quy định chi tiết về ngày làm việc; quy định việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp để giải quyết chế độ ốm đau.”

10. Sửa đổi khoản 2 và khoản 4 Điều 46 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở, trường hợp đơn vị sử dụng lao động ~~chưa có~~ **không có** công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau

4. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** quy định về việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau.”

11. Sửa đổi khoản 5 Điều 59 như sau:

“5. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** quy định việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp hưởng chế độ thai sản.”

12. Sửa đổi khoản 2 và khoản 5 Điều 60 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe quy định tại khoản 1 Điều này do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở, trường hợp đơn vị sử dụng lao động ~~chưa có~~ **không có** công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau:

“5. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội~~ **Bộ Nội vụ** quy định việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản.”

13. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64 như sau:

“ 1. Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, g, h, i, k, l, m và n khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật này khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b) Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên khi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ trưởng Bộ Nội vụ** ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

2. Đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 2 của Luật này khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b) Có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên khi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ trưởng Bộ Nội vụ** ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;”

14. Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 65 như sau:

“1. Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, g, h, i, k, l, m và n khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật này khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên thì được hưởng lương hưu với mức thấp hơn so với người đủ điều kiện hưởng lương hưu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 64 của Luật này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

c) Có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ **Bộ trưởng Bộ Nội vụ** ban hành và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

2. Đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 2 của Luật này khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên, bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì được hưởng lương hưu với mức thấp hơn so với người đủ điều kiện hưởng lương hưu quy định tại điểm a và điểm

b khoản 2 Điều 64 của Luật này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

b) Có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.”

15. Sửa đổi khoản 3 Điều 69 như sau:

“3. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ quy định chi tiết Điều này; quy định thời điểm hưởng lương hưu đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 33 của Luật này; quy định về việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp để giải quyết chế độ hưu trí.”

16. Sửa đổi khoản 5 Điều 86 như sau:

“5. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ quy định về việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp để giải quyết chế độ tử tuất.”

17. Sửa đổi khoản 1 Điều 87 như sau:

“1. Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân bằng 50% mức tham chiếu; trường hợp thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức tham chiếu.

~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ quy định việc xác định thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng.”

18. Sửa đổi khoản 4 Điều 101 như sau:

“4. ~~Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ quy định chi tiết Điều này; quy định về việc tính, việc xác định điều kiện đối với từng trường hợp để giải quyết chế độ hưu trí.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 134 như sau:

“2. ~~Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, Bộ Tài chính là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tài chính bảo hiểm xã hội, tài chính quỹ bảo hiểm xã hội, *Bộ Y tế là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trợ cấp hưu trí xã hội.*

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với ~~Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội~~ Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, *Bộ Y tế* trong thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 136 như sau:

” Điều 136. Trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Bộ Nội vụ

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật về ~~trợ cấp hưu trí xã hội~~, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, chiến lược, kế hoạch phát triển bảo hiểm xã hội. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Chủ trì phối hợp với ~~Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan~~ Xây dựng và trình Chính phủ ban hành chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ~~trợ cấp hưu trí xã hội~~, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về ~~trợ cấp hưu trí xã hội~~, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

5. Kiểm tra, ~~thanh tra~~, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ~~trợ cấp hưu trí xã hội~~, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, trừ quy định tại khoản 2 Điều 137 của Luật này.

6. Chủ trì phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, ~~Bảo hiểm xã hội Việt Nam~~ trình Chính phủ quyết định biện pháp xử lý trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng về bảo hiểm xã hội của người lao động.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 137 như sau:

“2. Kiểm tra, ~~thanh tra~~, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội.

3. Chủ trì xây dựng nội dung về tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội gửi ~~Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Bộ Nội vụ~~ để tổng hợp, xây dựng báo cáo của Chính phủ quy định tại khoản 5 Điều 135 của Luật này.

6. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm hưu trí bổ sung; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm hưu trí bổ sung; theo dõi, đánh giá, ~~thanh tra~~, kiểm tra tình hình thực hiện bảo hiểm hưu trí bổ sung; xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm hưu trí bổ sung; thực hiện công tác thống kê, thông tin về bảo hiểm hưu trí bổ sung.”

22. Bổ sung Điều 137a vào sau Điều 137 như sau:

“Điều 137a. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật về trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trợ cấp hưu trí xã hội.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ cấp hưu trí xã hội.

4. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trợ cấp hưu trí xã hội.”

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 138 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân **các** cấp ~~tỉnh~~ chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong phạm vi địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ và có trách nhiệm sau đây:

b) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm ~~trình cơ quan có thẩm quyền~~ **Hội đồng nhân dân cùng cấp** quyết định;”

24. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16, điểm c khoản 12, khoản 18 Điều 18, khoản 5 Điều 134 và khoản 11 Điều 136.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI